TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 12/11/2018.
Về việc *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT - TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Nguyễn Thị Thuận.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Chí Công-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- *Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2018 về việc ***"Ly hôn"*** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/10/2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Văn Thị M; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 02, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk - có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hồ Hữu Q; sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 7, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày đề ngày 20/4/2018, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Văn Thị M trình bày:

Chị M và anh Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 11/10/2012 do được mai mối. Thời gian đầu chị M và anh Q chung sống hạnh phúc, khoảng sau một năm chung sống thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: do bất đồng trong cách làm ăn, mâu thuẫn về kinh tế, anh Q không tự quyết định được gì mà nghe theo lời của các anh, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc hay cãi vã. Chị M thấy không còn tình cảm với anh Q nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ và sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay. Chị M thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với anh Q được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Hồ Hữu Q.

Về con chung: Chị M và anh Q không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh Q không có tài sản chung và nợ chung, chị Mai không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Trong các bản tự khai ngày 27/4/2018, biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2018, bị đơn anh Hồ Hữu Q trình bày:

Anh Q và chị M được người giới thiệu và có đi đăng lý kết hôn vào ngày 11/10/2012 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông trên tinh thần tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng chưa được bào lâu thì chị M bỏ về nhà mẹ đẻ. Nguyên nhân mâu thuẫn: do quá trình tìm hiểu nhau chưa kỹ nên sau khi kết hôn không nảy sinh tình cảm với nhau, quan điểm sống của cả hai hoàn toàn khác biệt. Nay anh Q thấy không còn tình cảm với chị M nhưng anh Q không đồng ý ly hôn vì nếu chị M muốn ly hôn phải đến xin phép gia đình anh Q thì anh Q mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh Q không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh Q không có tài sản chung và nợ chung, anh Q không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Hồ Hữu Q vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS quy định. Bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Văn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh Hồ Hữu Q, anh Q có hộ khẩu và đang sinh sống tại thôn 07, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; quan hệ pháp luật là "*Ly hôn*". Điều kiện mở phiên tòa: Bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị M và anh Hồ Hữu Q tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông; chị M, anh Q có một thời gian chung sống hạnh phúc, về sau nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong cách làm ăn kinh tế, bất đồng quan điểm sống vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay. Chị M thấy không còn tình cảm với anh Q, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với anh Q được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Q. Lời khai của chị M phù hợp với bản tự khai và biên bản lấy lời khai của anh Q tại Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng: lỗi dẫn đến ly hôn là do cả hai không tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn và không sống cùng nhau để vun đắp tình cảm; mâu thuẫn giữa chị M và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị M được ly hôn anh Q.

- Về con chung: Xét chị M và anh Q không có con chung nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị M, anh Q không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không đề cập xem xét.

- Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị M được ly hôn anh Hồ Hữu Q.

2. Về án phí: Chị Văn Thị M phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002743 ngày 23/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THA.DS huyện C;
- UBND xã N
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

LỘC THỊ VINH